

VẤN ĐỀ QUỸ THỜI GIAN TRONG SINH HOẠT GIA ĐÌNH HÀNG NGÀY

CHU KHẮC

ĐỘ lớn, cơ cấu và tính chất sử dụng quỹ thời gian của các gia đình hàng ngày đã phản ánh những mặt khác nhau của hoạt động sống, đồng thời đặc trưng cho sự thỏa mãn thực tế các nhu cầu vốn chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố kinh tế, xã hội. Việc phân tích quỹ thời gian cho phép xác định ý nghĩa của từng nhóm chi phí thời gian riêng biệt trong việc thỏa mãn các nhu cầu nhất định của người lao động, nêu lên được những thiếu hụt và các nguồn dự trữ chủ yếu trong quỹ thời gian ngoài giờ làm việc, nhằm sử dụng tốt hơn nữa thời gian rỗi. Một quỹ thời gian hợp lý phải bảo đảm được các mặt sau : a) tạo ra của cải vật chất và tinh thần ; b) phát triển cá nhân, tập đoàn xã hội và giai cấp ; c) nghỉ ngơi và giải trí. Các nhà xã hội học đã chia quỹ thời gian ra làm ba bộ phận;

1. Thời gian lao động sản xuất là thời gian người lao động dành cho hoạt động sản xuất và công tác ở cơ quan, xí nghiệp, nhà máy... ;
2. Thời gian ngoài sản xuất hoặc thời gian sinh hoạt cần thiết là thời gian thực hiện những công việc bức thiết và thỏa đáng cho các nhu cầu sống (nhiều tác giả gọi thời gian này là thời gian tự do) ;
3. Thời gian rỗi là lúc con người được thành thoi hoàn toàn và tùy thích cá nhân mà lựa chọn hình thức tự thể hiện (¹).

Ba bộ phận này có liên quan mật thiết và phụ thuộc lẫn nhau (bộ phận đầu giữ vai trò quyết định) và xét về nội dung thì ở mức độ nào đó còn thâm nhập lẫn nhau.

Chẳng hạn như một số loại hoạt động trong thời gian rỗi và một số kỹ năng có được trong điều kiện cách – mạng khoa học kỹ thuật, hiện đang trở thành nhân tố thúc đẩy sáng tạo trong thời gian lao động sản xuất : ngừng kỹ năng điều khiển máy truyền thanh và truyền hình tiếp thu được trong lúc nghỉ ngơi rảnh rỗi ở nhà đôi khi được vận dụng trong sản xuất hoặc công tác (thí dụ sử dụng máy vi tính). Cho nên toàn bộ quỹ thời gian và mỗi bộ phận hợp thành quỹ đó được xem như một trong những hình thức cụ thể của thời gian với tính cách là thước đo chung để đánh giá các quá trình và các hiện tượng xã hội. Ở Liên Xô, các nhà xã hội học đã nghiên cứu với 43 loại hoạt động trong thời gian ngoài sản xuất và 17 loại thuộc thời gian rảnh rỗi. Những hoạt động sống của nam giới và nữ giới cũng có sự khác biệt. Có 8 loại hoạt động “của riêng nam giới”, còn “của riêng nữ giới” là 23, tức là nhiều hơn 15 loại. Ngược lại, thời gian rảnh rỗi của nam giới đa dạng hơn: có 5 loại của riêng nam giới và 3 loại của riêng nữ giới. Những sự khác biệt này phần lớn bắt nguồn từ các điều kiện xã hội và gia đình, từ sự phân công lao động giữa nam và nữ. Cũng cần tính đến cơ sở vật chất tương ứng với ba bộ phận thời gian

¹ Nhiều tác giả lại chia quỹ thời gian thành thời gian làm việc (hay sản xuất) và thời gian ngoài giờ làm việc (trong đó có thời gian tự do bao gồm các công việc thỏa mãn các nhu cầu sống và thực hiện nghĩa vụ xã hội quan trọng và thời gian rỗi). V.Petrushev trong cuốn *Thời gian với tư cách là một phạm trù kinh tế* lại chia thời gian thành bốn phần : 1 - thời gian trong sản xuất xã hội ; 2 - thời gian lao động ở nhà và thỏa mãn các nhu cầu sinh hoạt ; 3 - thời gian để thỏa mãn các nhu cầu sinh lý tự nhiên ; 4 - thời gian tự do. Nói chung, nhiều tác giả chia quỹ thời gian thành hai bộ phận : sản xuất và không sản xuất. Trong bộ phận thứ hai lại chia nhỏ thành : thời gian, sinh hoạt tinh thần và thời gian rỗi. Chúng tôi quan niệm thời gian rỗi đang được tách riêng ra để nghiên cứu riêng biệt vì nó rất phong phú và đa dạng, thể hiện rõ nét lối sống của người lao động. Một số nhà xã hội học Liên Xô như A Andreeva, A.Niolaenko cũng chủ trương như vậy.

nói trên : cơ sở vật chất - kỹ thuật của thời gian sản xuất ; cơ sở vật chất của thời gian sinh hoạt cần thiết bao gồm các phương tiện để tiến hành những việc thiết yếu và thỏa mãn những nhu cầu sinh học (các vận dụng gia đình), còn cơ sở vật chất của thời gian rảnh rỗi là những phương tiện văn hóa, thể dục thể thao v. v... Vấn đề sử dụng thời gian một cách hợp lý, tận dụng mọi thời gian để phục vụ xã hội, phục vụ sự phát triển toàn diện của con người đang là đề tài nghiên cứu của các nhà khoa học xã hội chủ nghĩa. Ở Liên Xô, ý thức về thời gian được mọi người chú ý đặc biệt, dường như trên tàu điện ngầm, những chỗ bến xe, những nơi xếp hàng mua bán, người ta đều có quyển sách, tờ báo trong tay. Danil Granine đã viết về nhà khoa học Liubisep trong cuốn *Cuộc sống kỳ lạ này* khi ông không chỉ đơn giản tôn trọng thời gian - thước đo vận năng của tồn tại - mà còn tận dụng hợp lý, rút ngắn nó lại. D.Granine viết : “Ông không sợ đo phần còn lại đang tan biến của cuộc đời hàng ngày và hàng giờ. Ông thận trọng kéo căng thời gian, giữ chặt nó, cố gắng không đánh rơi, không bỏ mất một chút cón con nào. Ông đối xử với nó một cách kính cẩn như với bánh mì khi đang đói, không khi nào trong đầu ông xuất hiện ý nghĩ “giết thời gian”. Bất kỳ thời gian nào đối với ông cũng là phúc lợi. Nó là thời gian sáng tạo, thời gian nhận thức và thời gian say đắm cuộc sống. Ông “sùng bái thời gian”⁽²⁾ Xã hội xã hội chủ nghĩa đang cố gắng tạo mọi điều kiện để mỗi gia đình, mỗi cá nhân sử dụng tốt thời gian cho những nhu cầu chính đáng, phát triển và hưởng thụ mọi giá trị văn hóa dân tộc và nhân loại.

Trong một cuộc điều tra xã hội học về cán bộ công nhân viên ở khu Trương Định Hà Nội, chúng tôi thu nhận được những số liệu về quỹ thời gian trung bình của mỗi người trong tuần như sau :⁽³⁾

Biểu 1

Các loại hoạt động	Nam		Nữ	
	Số giờ	%	Số giờ	%
- Thời gian lao động sản xuất	58 g6'	34,6	57g30'	34,2
- Thời gian sinh hoạt cần thiết	85,42'	51,0	95,18'	56,7
- Thời gian rỗi	19,06'	11,4	12,24'	7,4
- Thời gian không phân bố	5,06'	3,0	2,48'	1,7
Cộng	168	100	168	100

Qua biểu trên, chúng ta thấy thời gian rỗi của nam so với nữ chênh nhau ngót 7 giờ một tuần, còn nếu tính thời gian sinh hoạt cần thiết thì nam so với nữ chênh nhau khoản 10 giờ. Như vậy, ta thấy gánh nặng của phụ nữ trong sinh hoạt gia đình lớn hơn nam giới. Tuy nhiên, nói chung, thời gian rỗi hàng ngày là quá ít ỏi, nam chưa đến 3 giờ một ngày, còn nữ thì chưa đến 2 giờ. Thời gian không phân bố ở đây là những chi phí thời gian khác, khi điều tra không đưa vào được các loại đã phân chia sẵn.

Khi nghiên cứu quỹ thời gian của cán bộ, công nhân viên khu Trương Định, ta có kết quả của một ngày như sau :

² D. Granine, *cuộc sống kỳ lạ này* (tiếng Nga) M, 1974, tr, 83 - 84.

³ Hai biểu 1 và 2 ở trạng sau chúng tôi sắp xếp lại từ số liệu điều tra của Phòng Xã hội học Đô thị trong tập tư liệu in xêlê: *Một số kết quả nghiên cứu xã hội học về nhà ở tại Thủ đô Hà Nội*, 1982, tr, 81 - 82.

Biểu 2

Các loại hoạt động	Ngày thường		Ngày nghỉ	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
- Thời gian lao động sản xuất	7g53'	7g48'	0	0
- Thời gian sinh hoạt cần thiết ngoài sản xuất	14,10	15,07	18g05	19g12
Gồm: - thỏa mãn nhu cầu sinh học (ăn, ngủ, tắm giặt, vệ sinh)	9,57	9,39	11,22	11,10
- phục vụ sinh hoạt (nấu ăn, đi chợ, mua lương thực, gánh nước, chăm sóc con)	1,53	3,25	3,09	5,58
- Học tập, công tác xã hội, dạy con, tặng gia	0,50	0,24	3,34	2,04
- Đi về cơ quan	1,12	1,06	-	-
- Thời gian rỗi (nghỉ tự do, đọc sách báo, xem ti vi, nghe đài, xem phim....)	1,29	1,05	3,00	2,08
- Chi phí thời gian không phân bổ	0,28	0,00	2,55	2,40
Cộng	24 giờ	24 giờ	24 giờ	24 giờ

Qua biểu trên, chúng ta thấy sự chênh lệch đáng kể trong thời gian phục vụ sinh hoạt giữa nam và nữ kể cả này thường lẫn ngày nghỉ : ngày thường nữ phải mất 32 phút nhiều hơn nam, ngày nghỉ nhiều hơn 2g 19 phút. Đó là do việc nấu ăn, đi chợ, chăm sóc con của phụ nữ còn mất nhiều thì giờ. Ngày thường và nhất là ngày nghỉ, thời gian rỗi của nam cũng nhiều hơn nữ : 3 giờ so với 2g08. Nhìn chung, cơ cấu quỹ thời gian nói trên còn cần phải cải tiến theo những hướng cơ bản đang diễn ra ở các nước xã hội chủ nghĩa là :

a) Giảm độ dài giờ làm việc hàng ngày và hàng tuần. Hiện nay ở ta ngày làm 8 tiếng, nhưng ở Liên Xô và các nước anh em đã thực hiện tuần 40 - 42 giờ, những ngành nặng nhọc và độc hại giảm xuống còn 35 giờ. Khi năng suất lao động tăng lên do cơ giới hóa, tự động hóa thì việc giảm độ dài bộ phận thời gian sản xuất là hiện thực.

b) Giảm thời gian chi dùng vào công việc gia đình và tự phục vụ đang cách mở rộng các dịch vụ công cộng. Chúng ta còn phải cố gắng hơn nữa trong các dịch vụ xã hội công cộng mới có thì rút ngắn bộ phận thời gian này, đáng kể là các nút cầu sinh hoạt đi chợ, nấu ăn còn quá tốn thời gian, nhất là ngày nghỉ thì phụ nữ bỏ vào công việc này tới 1/4 thời gian trong ngày.

c) Giảm dần những khác biệt trong cơ cấu và độ dài của thời gian tự do giữa các nhóm nghề nghiệp và dân cư. Như các biểu trên đây cho thấy, nhóm nữ thường phải gánh nặng công việc gia đình gần gấp đôi thể gian nam giới. Đó là điều cần chú ý cải thiện tình hình hiện nay. Khi khảo sát quỹ thời gian của nữ trí thức (có con nhỏ và không con nhỏ) cùng các giới công nhân, viên chức khác, chúng tôi cũng thấy có hiện tượng chênh lệch đáng kể trong bộ phận thời gian này.

d) Tăng dần thời gian rỗi, đặc biệt là phần dành cho phát triển năng lực trí tuệ và hưởng thụ văn hóa. Hiện nay, theo biểu 2, hàng ngày nam mới có 50 phút, nữ 24 phút, trong đó đọc sách báo : nam là 22 phút, nữ là 8 phút, xem ti vi, nghe đài, nam là 28 phút, nữ là 16 phút. Như vậy là quá ít.

e) Tiến tới xích lại gần nhau trong cơ cấu chi phí thời gian của các nhóm cư dân thành thị, nông thôn, lao động trí óc lao động chân tay, nam và nữ v.v... Mục tiêu này là quan trọng trong việc thực hiện sự bình đẳng xã hội, nhất là trong tình hình hiện nay đang còn có sự chênh lệch thời gian rất lớn giữa các nhóm cư dân và giới tính. Khắc phục tình trạng này đòi hỏi phải có thời gian lâu dài.

Khi nghiên cứu lối sống về phương diện thời gian của xã hội, ta có thể coi thời gian như một hệ thống của

mối liên hệ qua lại giữa ba bộ nhận thời gian đã nói ở trên. Hệ thống này đã hình thành trên cơ sở các quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa, một hệ thống mà các tỷ lệ số lượng, cơ cấu và nội dung của nó đã tạo điều kiện phát huy các đặc điểm tương ứng của lao động sản xuất, tiến hành những hoạt động sống cần thiết và nghỉ ngơi, giải trí nhằm phát huy các định hướng giá trị, chuẩn mực hành vi của con người. Tính tự giác ngày càng trở thành nhân tố điều tiết bên trong hành vi con người trong thời gian rỗi và do đó nó trở thành nhân tố thúc đẩy tiến bộ xã hội, hình thành một mặt quan trọng trong lối sống con người có văn hóa và đạo đức cao. Mác đã gắn bản chất của thời gian rỗi với hoạt động tự do và phát triển của từng cá nhân. Trong các tác phẩm của mình. Mác và Ăngghen đều có nói rằng “thời gian rỗi” là thời gian dành cho sự phát triển tự do, rằng việc tạo ra thời gian rỗi là “việc mở ra triển vọng phát triển đầy đủ lực lượng sản xuất của từng người, do vậy, cũng tức là của toàn xã hội”, rằng “toàn bộ sự tăng thêm của cải dựa vào việc tạo ra thời gian rỗi”⁽⁴⁾ Cho nên thời gian rỗi là nhân tố quan trọng để hình thành nhân cách, vì nghỉ ngơi để hồi phục sức lực và phát triển nhân cách phải kết hợp chặt chẽ với nhau. Không bao giờ nên nghỉ ngơi thụ động không làm gì cả, mà cần gắn liền với sự thay đổi hoạt động, bao gồm việc “lựa chọn” các hoạt động có mục đích. Sự nghỉ ngơi tích cực trong thời gian rỗi sẽ phù hợp với các yêu cầu của cuộc sống và ngày càng có ý nghĩa về mặt xã hội. Sự nghỉ ngơi tích cực đó cho phép hồi phục thể lực để làm việc tốt hơn, sáng tạo hơn trong giờ lao động sản xuất. Về mặt này, vai trò của gia đình trong việc tổ chức thời gian rỗi là quan trọng.

Khi bàn tới việc sử dụng tốt thời gian rỗi, chúng ta cũng không nên quên yếu tố cơ sở vật chất, tức là tổng thể các phương tiện để bảo đảm thỏa mãn các nhu cầu tinh thần, thể lực để con người sử dụng trong thời gian nói trên. Trong cuộc điều tra xã hội học tại thành phố Hồ Chí Minh vào giữa những năm 80, chúng tôi thấy trong số người được hỏi 46,1% có radiô, 70% có máy ghi âm, 27,8% có tủ sách riêng, 4,6% có quay đĩa, 13,2% có một nhạc cụ, 7,8% có dụng cụ thể thao cá nhân, 24,1% mua báo hàng ngày, 15,1% mua báo tuần. Còn ở Hà Nội thì số gia đình trí thức có ti vi là trên 50%, một tỷ lệ cao nhất hiện nay so với với các tầng lớp khác. Số gia đình công nhân mua báo thường xuyên và 36,8%, trong khi trí thức thấp hơn một chút : 33,9%. Tuy nhiên, cơ sở vật chất trên đây mới chỉ là điều kiện thuận lợi để thỏa mãn nhu cầu văn hóa trong thời gian rỗi. Sẽ là một điều thiếu sót nếu không xét tới vấn đề sử dụng các phương tiện ấy. Trong bảng ngân sách thời gian của nữ trí thức khu Trung Tự, ngày thường, số thời gian dành để nghe đài đọc báo là 30 phút, xem ti vi : 60 phút, chơi thể dục thể thao 10 phút, nhưng ngày chủ nhật thì con số tương ứng là 60 phút nghe đài, đọc báo, xem ti vi 120 phút, thể thao 10 phút, nghĩa là thời gian dành cho hoạt động văn hóa gấp đôi ngày thường. Ở tầng lớp công nhân. 36,4% số người được hỏi đọc báo thường xuyên, 19,1% nghe radiô, 31% nghe loa truyền thanh, 51,1% xem ti vi. Nếu so sánh theo giới tính thì phụ nữ đọc báo thường xuyên là 18% bằng nửa tỷ lệ này ở nam giới : 35,3% nhưng phụ nữ lại xem ti vi nhiều hơn nam giới: 33,6% so với 31,1% Những số liệu trên đây của chúng ta còn khiêm tốn nếu so với tình hình trong một cuộc điều tra ở tỉnh Svelovsk (Liên Xô) thì 96% những người được hỏi xem các buổi truyền hình ; 21% mỗi tuần đi xem phim ở rạp một lần, 16% mỗi tháng đi xem hơn một lần, 81% đến cung văn hóa một cách đều đặn, hộ 70% đọc sách báo chuyên môn thường xuyên⁽⁵⁾

Những hoạt động trong thời gian rỗi nói trên đây thường diễn ra ở chính nơi ở của gia đình. Song điều không kén phần quan trọng là tổ chức nghỉ ngơi ngoài căn hộ, ở môi trường xung quanh. Con người không thể có sự nghỉ ngơi trọn vẹn nếu thiếu sự tiếp xúc với thiên nhiên. Cho nên vai trò của các công viên, vườn thú, di tích lịch sử, địa điểm du lịch, bể bơi, cung thể thao, văn hóa v.v... là rất quan trọng. Điều này cũng liên quan tới các tổ chức xã hội, và sẽ là những hình thức ngày càng chiếm ưu thế trong chủ nghĩa xã hội. Ở nông thôn thì khuynh hướng nghỉ ngơi là ra thành phố nhân tiện mua sắm những vật dụng cần thiết. Còn ở thành phố thì khuynh hướng ngược lại là con người sau những ngày làm việc mệt nhọc thì chủ nhật, ngày lễ muốn đi tham quan những di tích, thắng cảnh xa nơi phồn hoa đô hội, ồn ào, nhộn nhịp. Còn đối với những kỳ nghỉ phép năm

⁴ Mác- F. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 46, phân II, tr 316, Phần I, tr 371 (tiếng Nga).

⁵ 5. L. Arkhangelsk chủ biên. *Chủ nghĩa xã hội và nhân cách*. Tập 2, Nxb Sách giáo khoa Mác – Lênin, Hà Nội, 1984, tr 156.

dài ngày thì người ta lại muốn đi xa hơn, ra vùng biển hoặc lên núi, hít thở bầu không khí trong sạch của thiên nhiên. Ở đây, vai trò của Công ty du lịch đang ngày càng có ý nghĩa lớn lao. Với một đất nước có bờ biển dài trên 3.200km, nhiều địa điểm nghỉ mát lý tưởng như Bãi Cháy, Đồ Sơn, vịnh Hạ Long, Sầm Sơn, Cửa Lò, Nha Trang, Vũng Tàu, v.v..., hàng năm chúng ta đã tổ chức cho hàng vạn cán bộ, công nhân, viên chức và gia đình đi nghỉ để phục hồi và nâng cao thể lực để rồi trở lại cương vị công tác tốt hơn. Còn những địa điểm miền núi không kém phần thơ mộng, mát mẻ vào mùa hè như Đà Lạt, Tam Đảo, Sa Pa v.v.. cũng thu hút một số du khách đáng kể. Các tổ chức Công đoàn và Công ty du lịch của ta hiện đã mở rộng các hình thức tham quan ngắn ngày (sáng đi chiều về ở những địa điểm xung quanh đô thị) và dài ngày trên những lộ trình quá nhiều di tích lịch sử và cách mạng. Những cuộc tham quan này vừa bổ ích về mặt nghỉ ngơi lại vừa có ý nghĩa giáo dục, nâng cao tầm hiểu biết và bồi dưỡng tình cảm yêu thiên nhiên, đất nước, con người, nâng cao lòng tự hào về những chiến công vẻ vang của dân tộc ta trong thấy chục năm chiến đấu, hy sinh giành độc lập tự do cho Tổ quốc. .

Tóm lại, tổ chức tốt thời gian rỗi trong gia đình hàng ngày và những kỳ nghỉ hàng tuần, hàng năm qua việc tiếp xúc với môi trường thiên nhiên là nhằm bồi bổ sức khỏe, phát triển nhân cách, phù hợp với những mục tiêu của lối sống xã hội chủ nghĩa trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa hiện nay.